

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày 28-04-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
 - + *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Như Quỳnh
 - + *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Doãn Đức Hùng và ông Trần Văn Ân
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kiều Diễm- Kiểm sát viên.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C.

Trụ sở: 551 Đ, phường 25, quận B, TP.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vương Nhật B-Chức vụ Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thanh P. Trú tại: Láng Me 1, xã C, huyện C, tỉnh Đồng Nai.(Xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH DVTM K (Tên trước khi thay đổi là Công ty TMHHDVTM K).

Địa chỉ: Số 12/3, Quốc lộ 1A, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tăng Nhục P, sinh năm 1982. HKTT: Ấp An Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình tố tụng ông Đặng Thanh P trình bày:

Ngày 30/10/2017 Công ty TNHH C (Sau đây gọi tắt là “Công ty H”) ký kết Hợp đồng mua bán và trưng bày số 3017/DA/HB-TH/2017 với Công ty TNHH

DV TM K (Tên cũ Công ty TNHH DV TM K) về việc cung cấp 10 máy lạnh trị giá 65.015.000 đồng(giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%). Tuy nhiên, trong quá trình giao hàng, có sự thay đổi về chủng loại, mẫu mã hàng hóa. Căn cứ Hợp đồng mua bán và trưng bày số 3017/DA/HB-TH/2017 các bên thỏa thuận giao những loại máy sau: Máy lạnh loại GAS R22; Model AC 9WB2 (1H), số lượng 1 bộ có giá 4.500.000 đồng; Model AC 12WA (1,5H), số lượng 1 bộ có giá 5.580.000 đồng; Model AC 18WA (2H), số lượng 1 bộ có giá 7.965.000 đồng; Máy lạnh loại GAS 410; Model AC 9WA (1H), số lượng 1 bộ có giá 4.815.000 đồng; Model AC 12WA (1,5H), số lượng 1 bộ có giá 6.075.000 đồng; Model AC 18WA (2H) , số lượng 1 bộ có giá 8.820.000 đồng; Máy lạnh loại GAS R410A; Model AC 9WI (1H), số lượng 2 bộ có giá 12.530.000 đồng; Model AC 12WI (1,5H), số lượng 2 bộ có giá 14.730.000 đồng. Tuy nhiên khi giao hàng lại có sự thay đổi, đổi không lấy 01 máy lạnh GAS R22 Model AC 18WA (2H) có giá 7,965.000 đồng, thay vào đó là lấy 01 máy lạnh loại GAS 410 Model AC 12WA (1,5H), có giá 5.580.000 đ, còn lại các loại máy vẫn giữ nguyên, vì vậy tổng giá trị hợp đồng giảm 1.890.000đ. Việc thay đổi chủng loại máy lạnh là do Công ty TNHH DV TM K đề nghị thay đổi, họ chỉ gọi điện thông báo, do việc thay đổi đơn giản nên hai bên không lập thành văn bản. Hai bên đã lập biên nhận giao hàng ngày 08/11/2017 thể hiện đã nhận đủ hàng, đủ chủng loại và có thay đổi mẫu mã GAS 410 Model AC 12WA (1,5H), biên bản có chữ ký xác nhận của bà P. Hơn nữa, Công ty H không thể tự ý thay đổi hàng hóa vì việc thay đổi này rõ ràng là làm giảm giá trị Hợp đồng mà các Bên đã thỏa thuận, điều này là bất lợi cho Công ty H và Công ty H không có lý do nào để làm việc này. Đồng thời, các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0019468, số 0019496 ngày 09/11/2017 mà Công ty H đã xuất có thể hiện rõ giá trị hàng hóa đã giao phù hợp với Biên nhận giao hàng. Sau khi giao hàng thành công, Công ty TNHH DV TM K hay đại diện của Công ty TNHH DV TM K không có văn bản hay yêu cầu đổi trả hàng hóa vì giao không đúng số lượng, mẫu mã quy định trong Hợp đồng, điều này thể hiện sự đồng ý của Công ty TNHH DV TM K đối với sự thay đổi hàng hóa đã giao. Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng mua bán và trưng bày đã ký kết giữa hai công ty thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền hàng ngày sau khi giao hàng, tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng còn thiếu là 63.125.000đ (Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét thấy tranh chấp giữa các đương sự là: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Theo kết quả xác minh tại văn bản số: 516/ĐKKD ngày 10/9/2020 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai thì thấy: Theo thông tin đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, đến nay Công ty TNHH DV TM K ở tình trạng đang hoạt động; chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hoặc tạm ngừng kinh doanh, hoặc giải thể tại phòng Đăng ký kinh doanh kể từ lần đầu đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20/11/2019;

[1.3] Theo kết quả xác minh ngày 15/12/2020 và ngày 03/01/2022 thể hiện, Công ty TNHH DV TM K hiện không còn hoạt động tại địa chỉ 12/3, Quốc lộ 1A, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Công ty không thông báo gì với địa phương về việc chuyển trụ sở Công ty đi đâu; Bà T, sinh năm 1982. Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay bà P không cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cũng không cư trú tại địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty K; Hiện nay bà P cư trú ở đâu thì công an không nắm được, bà P không đăng ký tạm vắng, cắt chuyển hộ khẩu tại công an xã T. Do vậy, bà P không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Công ty TNHH C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH DV TM K theo đúng quy định của tố tụng dân sự; triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng bà P vẫn vắng mặt; Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện giữa Công ty TNHH C và Công ty TNHH DV TM K có ký kết Hợp đồng mua bán và trưng bày số 3017/DA/HB-TH/2017 với Công ty TNHH DV TM K (Tên cũ Công ty TNHH DV TM K) về việc cung cấp 10 máy lạnh trị giá 65.015.000 đồng (giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%). Thỏa thuận Công ty TNHH C giao cho Công ty TNHH DV TM K các loại máy sau: Máy lạnh loại GAS R22; Model AC 9WB2 (1H), số lượng 1 bộ có giá 4.500.000 đồng; Model AC 12WA (1,5H), số lượng 1 bộ có giá 5.580.000 đồng; GAS 410 Model AC 12WA (1,5H), có giá 5.580.000 đồng; Máy lạnh loại GAS 410; Model AC 9WA (1H), số lượng 1 bộ có giá 4.815.000 đồng; Model AC 12WA (1,5H), số lượng 1 bộ có giá 6.075.000 đồng; Model AC 18WA (2H) , số lượng 1 bộ có giá 8.820.000 đồng; Máy lạnh loại GAS R410A; Model AC 9WI (1H), số lượng 2

bộ có giá 12.530.000 đồng; Model AC 12WI (1,5H), số lượng 2 bộ có giá 14.730.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 63.125.000đ (Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Việc giao kết này được thể hiện trên Hợp đồng mua bán và trưng bày ngày 30/10/2017; Biên nhận giao hàng ngày 08/11/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0019468, số 0019496 ngày 09/11/2017; Cũng như qua xác minh tại Chi cục thuế khu vực Trảng Bom-Thống Nhất thì thấy: Công ty TNHH DV TM K đã kê khai thuế đối với 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0019468, số 0019496 ngày 09/11/2017. Từ những căn cứ trên thể hiện rõ có sự ký kết Hợp đồng mua bán và trưng bày số 3017/DA/HB-TH/2017 giữa Công ty TNHH C với Công ty TNHH DV TM K; Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng mua bán và trưng bày đã ký kết giữa hai công ty thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền hàng ngày sau khi giao hàng, Công ty TNHH DV TM K đã vi phạm điều khoản này, vì vậy Công ty TNHH DV TM K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền là 63.125.000đ (Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Công ty TNHH DV TM K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C đối với Công ty TNHH DV TM K, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

- Buộc Công ty TNHH DV TM K phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH C số tiền 63.125.000đ (Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Kể từ khi Công ty TNHH C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu Công ty TNHH DV TM K chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH DV TM K phải chịu 3.156.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

- Công ty TNHH C không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.579.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007387 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Báo cho Công ty TNHH C và Công ty TNHH DV TM K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Như Quỳnh